

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành đơn giá bồi thường cây Cao su trồng
tập trung trong bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu
tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính Phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường , hỗ trợ, tái định cư và trình tự thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Thanh Hoá tại Tờ trình số 2961/TTr-STC ngày 24/9/2012 về việc ban hành đơn giá bồi thường cây cao su trồng tập trung trong bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá bồi thường cây cao su trồng tập trung trong giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, cụ thể như sau:

1. Đơn giá bồi thường cây cao su trong thời kỳ xây dựng cơ bản.

Đơn vị: đồng/ha (mật độ 555 cây/ha)

STT	Độ tuổi cây cao su	Đơn giá
1	Chi phí đầu tư và chăm sóc hết năm thứ 1	38.247.000
2	Chi phí đầu tư và chăm sóc hết năm thứ 2	49.097.000
3	Chi phí đầu tư và chăm sóc hết năm thứ 3	62.807.000
4	Chi phí đầu tư và chăm sóc hết năm thứ 4	73.967.000
5	Chi phí đầu tư và chăm sóc hết năm thứ 5	84.287.000
6	Chi phí đầu tư và chăm sóc hết năm thứ 6	93.827.000
7	Chi phí đầu tư và chăm sóc hết năm thứ 7	102.527.000

2. Đơn giá bồi thường cây cao su trong thời kỳ khai thác, kinh doanh.

- Chu kỳ khai thác bình quân 20 năm;

- Mật độ cây cao su khai thác/ha: 500 cây/ha.

- Chi phí phân bổ cho 01 năm trong thời kỳ kinh doanh 20 năm = [Tổng chi phí đầu tư XDCB/20 năm] = 102.527.000 đồng/20 năm = 5.127.000 đồng/ha/năm.

- Giá trị còn lại của cây cao su = [Chi phí phân bổ cho 1 năm trong thời kỳ kinh doanh x số năm khai thác còn lại]. Cụ thể như sau:

+ Còn lại 19 năm :	5.127.000	đồng	x	19 năm	=	97.413.000	đồng/ha
+ Còn lại 18 năm :	5.127.000	đồng	x	18 năm	=	92.286.000	đồng/ha
+ Còn lại 17 năm :	5.127.000	đồng	x	17 năm	=	87.159.000	đồng/ha
+ Còn lại 16 năm :	5.127.000	đồng	x	16 năm	=	82.032.000	đồng/ha
+ Còn lại 15 năm :	5.127.000	đồng	x	15 năm	=	76.905.000	đồng/ha
+ Còn lại 14 năm :	5.127.000	đồng	x	14 năm	=	71.778.000	đồng/ha
+ Còn lại 13 năm :	5.127.000	đồng	x	13 năm	=	66.651.000	đồng/ha
+ Còn lại 12 năm :	5.127.000	đồng	x	12 năm	=	61.524.000	đồng/ha
+ Còn lại 11 năm :	5.127.000	đồng	x	11 năm	=	56.397.000	đồng/ha
+ Còn lại 10 năm :	5.127.000	đồng	x	10 năm	=	51.270.000	đồng/ha
+ Còn lại 9 năm :	5.127.000	đồng	x	09 năm	=	46.143.000	đồng/ha
+ Còn lại 8 năm :	5.127.000	đồng	x	08 năm	=	41.016.000	đồng/ha
+ Còn lại 7 năm :	5.127.000	đồng	x	07 năm	=	35.889.000	đồng/ha
+ Còn lại 6 năm :	5.127.000	đồng	x	06 năm	=	30.762.000	đồng/ha
+ Còn lại 5 năm :	5.127.000	đồng	x	05 năm	=	25.635.000	đồng/ha
+ Còn lại 4 năm :	5.127.000	đồng	x	04 năm	=	20.508.000	đồng/ha
+ Còn lại 3 năm :	5.127.000	đồng	x	03 năm	=	15.381.000	đồng/ha
+ Còn lại 2 năm :	5.127.000	đồng	x	02 năm	=	10.254.000	đồng/ha
+ Còn lại 1 năm :	5.127.000	đồng	x	01 năm	=	5.127.000	đồng/ha

3. Cây cao su hết thời kỳ khai thác, đến hạn thanh lý.

Cây cao su hết thời kỳ khai thác mức bồi thường chi phí chặt hạ và thanh lý theo quy định tại quyết định 3644/2011/QĐ-UBND ngày 04/11/2011 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

4. Khi xác định mức bồi thường cụ thể cho 01ha cao su tại thời điểm thu hồi đất căn cứ đơn giá bồi thường quy định tại Điều này (Tính theo mật độ cây cao su thời kỳ XDCB 555 cây/ha, thời kỳ kinh doanh 500 cây/ha) quy ra mức bồi thường cho 01 cây, từ đó tính cho số lượng cây kiểm kê thực tế trên 01ha để bồi thường.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài chính Thanh Hoá căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và nội dung quy định tại Quyết định này; hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá thực hiện; trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc vượt quá thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo kịp thời về UBND tỉnh để được xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký; các quy định trước đây trái với quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Chủ đầu tư các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Bộ NN&PTNT (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ Tư pháp (báo cáo);
- Lưu: VT, KTTT.

QĐCD 12-020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền